

**CÔNG TY CỔ PHẦN H SNACK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN H SNACK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: H SNACK JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: H SNACK JSC.CO

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109880391

**3. Ngày thành lập:** 07/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 1, ngách 320/5 Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0358442946

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                         | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                            | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                    | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                  | 4633     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                              | 4641     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                      | 8220     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                        | 8230     |
| 9.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                  | 8292     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                               | 8299     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                   | 6209     |
| 12. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; | 6399     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn luật, tài chính, kế toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020        |
| 14. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo rượu, thuốc lá và các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7320        |
| 16. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7420        |
| 17. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4690        |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                     | 4711        |
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4719        |
| 20. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4721        |
| 21. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4722        |
| 22. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4723        |
| 23. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1050        |
| 24. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1061        |
| 25. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1062        |
| 26. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1071        |
| 27. | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1072        |
| 28. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1073        |
| 29. | Sản xuất chè                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1076        |
| 30. | Sản xuất cà phê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1077        |
| 31. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn;<br>- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi;<br>- Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) | 1079(Chính) |
| 32. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1104        |
| 33. | In ấn<br>(Trừ hoạt động liên quan đến báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1811        |
| 34. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1812        |
| 35. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4781        |
| 36. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4784        |
| 37. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4791        |

|     |                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                     | 4799 |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                        | 4933 |
| 40. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                 | 5210 |
| 41. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                            | 5224 |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không) | 5229 |
| 43. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                            | 5610 |
| 44. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                     | 5630 |
| 45. | Sản xuất điện<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời                                   | 3511 |
| 46. | Truyền tải và phân phối điện<br>(Loại trừ truyền tải và điều độ Hệ thống điện quốc gia)                     | 3512 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | KHÚC ĐĂNG<br>TÙNG | Số 18, ngách 26,<br>ngõ 138 Chợ<br>Khâm Thiên,<br>Phường Trung<br>Phụng, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 42.500        | 425.000.000              | 42,500       | 0310770130<br>98                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                            | Tổng số                            | 42.500        | 425.000.000              | 42,500       |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                                     |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 2 | KHÚC LINH CHI  | 17E1, CT4, KĐT Văn Khê, đường Lê Văn Lương, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 031183010703 |
|   |                |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |              |
| 3 | LÊ NHẬT LINH   | Số 135 Đình Đông, Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 42.500 | 425.000.000 | 42,500 | 031091001214 |
|   |                |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Tổng số                   | 42.500 | 425.000.000 | 42,500 |              |
| 4 | TRẦN KHẢI HOÀN | Số 135 Đình Đông, Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 5.000  | 50.000.000  | 5,000  | 022096008429 |
|   |                |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                     | Tổng số                   | 5.000  | 50.000.000  | 5,000  |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: KHÚC ĐĂNG TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031077013098

Ngày cấp: 22/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 18, ngách 26, ngõ 138 Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 18, ngách 26, ngõ 138 Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội